

Bản án số: 56/2019/HS-ST

Ngày: 22 - 7 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Gia Viễn.
Ông Đặng Kim Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Lưu Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019 tại Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Đình V, sinh năm: 1952; Giới tính: Nam.

ĐKHKTT và nơi cư trú: xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Văn hoá: 7/10; Nghề nghiệp: tự do; Con ông: Vũ Đình Rinh (đã chết); Con bà: Phạm Thị V1 (đã chết); vợ: Vũ Thị L1, sinh năm 1954; Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/01/2019. Có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Sở L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Đức Tr – Giám đốc Sở L2 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng L3 (vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông Đoàn Xuân L, sinh năm 1960.
2. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1954.

3. Ông Đoàn Trường G, sinh năm 1953.
Đều trú tại: xóm T xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.
4. Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1960.
Trú quán: xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.
5. Ông Đoàn Văn M, sinh năm 1952.
Trú quán: xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.
6. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1953.
Trú quán: thôn L xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.
7. Chị Vũ Thị T, sinh năm 1990.
Trú quán: phố C xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 06/12/2018 Bộ Công an có Thông báo số 149/ANĐT-P3 đồng ý giao cho Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định được tiến hành điều tra 41 trường hợp có dấu hiệu “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo kiến nghị của Sở L. Căn cứ kết quả điều tra, Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định thấy Vũ Đình V, sinh năm 1952, trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định có dấu hiệu sử dụng giấy tờ XYZ; giấy chứng nhận bị thương nghi là giả; đưa con đẻ của người khác bị dị dạng, dị tật, thay con đẻ của mình là Vũ Thị T nhằm lừa dối đoàn kiểm tra, thực chứng về tình trạng con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học để đưa vào hồ sơ xin xét duyệt hưởng chế độ trợ cấp của Nhà nước dành cho người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học với mục đích chiếm đoạt tiền trợ cấp chế độ ưu đãi của Nhà nước dành cho người có công với cách mạng. Trong hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi của Nhà nước dành cho người có công với cách mạng của Vũ Đình V tại Sở L cung cấp gồm:

- + Bản khai của người bị nhiễm chất độc hoá học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh. V khai nhận viêm đa khớp, ù tai, MP giảm thị lực 3/10, MT giảm thị lực 3/10, viêm da. Địa bàn hoạt động Quảng Nam – Tây Nguyên. Vũ Thị T bị suy giảm khả năng trí tuệ, liệt 2 chi, động kinh (đề ngày 20/01/2005).
- + Giấy chứng nhận công tác XYZ (đề ngày 15/4/1977).
- + Giấy chứng nhận bị thương (đề ngày 20/10/1973).
- + Quyết định phục viên (đề ngày 31/3/1980).
- + Chứng nhận Huân chương chiến sỹ giải phóng (đề ngày 26/5/1977).
- + Giấy chứng nhận quyền lợi xuất ngũ (đề ngày 15/4/1977).
- + Giấy xác nhận về tình trạng bệnh tật sinh con dị dạng, dị tật hoặc vô sinh của người tham gia kháng chiến (đề ngày 02/3/2005).
- + Giấy xác nhận về khả năng lao động đối với người trực tiếp tham gia kháng chiến (đề ngày 01/3/2005).

+ Giấy ra viện (đề ngày 27/7/2004).

+ Phiếu khám sức khỏe.

Tại cơ quan ANĐT Vũ Đình V khai nhận: Năm 2000 Nhà nước có đợt xét duyệt hồ sơ chế độ trợ cấp, ưu đãi dành cho người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học (gọi tắt là chế độ bị nhiễm chất độc da cam). Ông Vũ Đình R là bố đẻ của V đưa Phạm Văn H, sinh năm 1953 ở thôn L xã H, huyện N, tỉnh Nam Định (là người quen của bố V) đến nhà V để xem các giấy tờ được quân đội cấp để kiểm tra, làm giúp hồ sơ xét duyệt chế độ bị nhiễm chất độc da cam. V đưa cho H xem giấy chứng nhận quyền lợi xuất ngũ của đơn vị xưởng X32 cấp cho V để hỏi giúp. Sau đó H trao đổi lại với V hồ sơ cần có: Giấy chứng nhận công tác XYZ thì mới đủ điều kiện làm hồ sơ. V nói không có và nhờ H làm giúp. Khoảng mấy ngày sau, H đến đưa giấy chứng nhận công tác XYZ, V nói H gặp ông R để kiểm tra và thanh toán tiền. Gặp ông R xong H đưa cho V giấy chứng nhận công tác XYZ. Cũng năm 2000, ông R đưa cho V 01 giấy chứng nhận bị thương mang tên Vũ Đình V (nguồn gốc giấy này ở đâu mà có thì V không biết). V mang 2 loại giấy tờ trên đến nhờ ông Nguyễn Văn Gi (là bố vợ V, cán bộ Ban Lao động – Thương binh và xã hội xã N) làm giúp hồ sơ xin xét duyệt hưởng chế độ bị nhiễm chất độc da cam cho mình nhưng không thấy được hưởng.

Đầu năm 2005, UBND xã N thông báo tiếp tục tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ của đối tượng bị nhiễm chất độc da cam, V gặp ông Gi hỏi L1 do thì được ông Gi cho biết hồ sơ đã được chuyển đến phòng L từ năm 2000 để xét duyệt. V đến phòng L hỏi thì được thông báo hồ sơ xã chưa chuyển đến. V về nói với ông Gi, kiểm tra lại thì thấy hồ sơ của V vẫn đang cất giữ trong tủ của ông Gi, V tiếp tục nhờ ông Gi làm giúp hồ sơ cho mình để được hưởng chế độ bị nhiễm chất độc da cam.

Tháng 3/2005, phòng L cùng UBND xã N thông báo tiến hành kiểm tra, thực chứng về tình trạng dị dạng, dị tật đối với Vũ Thị T (con đẻ của V) có kê khai trong hồ sơ để làm căn cứ xét duyệt hưởng chế độ tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc của V. Do thực tế V không có con đẻ bị dị dạng, dị tật nên V đến nhà ông Đoàn Xuân L (trú tại: xóm T xã N, huyện N, tỉnh Nam Định) nói với vợ chồng ông L cho cháu Đoàn Thị H (là con đẻ của ông L) bị dị tật bẩm sinh đến nhà V chơi với mục đích để V lừa dối đoàn kiểm tra đó là cháu Vũ Thị T con đẻ V bị dị dạng, dị tật do bị ảnh hưởng bởi chất độc hoá học của quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam. Sau đó hồ sơ của V được duyệt. Ngày 30/5/2006 Sở L có quyết định số 136/QĐ/LĐTB-XH cho V được hưởng chế độ ưu đãi từ ngày 01/01/2006.

Ngày 12/2/2019, Sở L thông báo: Vũ Đình V đã lĩnh tiền trợ cấp bị nhiễm chất độc hoá học từ tháng 1/2006 đến tháng 2/2019 với tổng số tiền là 204.465.000đồng.

Tại bản kết luận giám định số 35/GĐYK ngày 29/11/2018 về tình trạng dị dạng, dị tật đối với Vũ Thị T (con gái V) Hội đồng giám định y khoa tỉnh Nam Định kết luận: Hiện tại không mắc bệnh suy giảm khả năng trí tuệ, liệt hai chi dưới và động kinh.

Ngày 17/12/2018 Phòng giám định kỹ thuật hình sự, Cục điều tra hình sự - Bộ quốc phòng giám định và thông báo kết quả giám định số 348/GĐKTHS-P11 kết luận: Giấy chứng nhận bị thương số 49 đề ngày 20/10/1973 ghi của Trung đoàn 12 cấp cho Vũ Đình V: phần chữ in phôi tài liệu được hình thành bằng các hạt mực laze; hình dấu xác nhận mang tên “Trung đoàn 12” trên tài liệu có số “12” được hình thành bằng phương pháp vẽ, viết bằng tay.

Ngày 29/11/2018 Phòng KTHS Công an tỉnh Nam Định kết luận giám định số 1006/KLGD-PC09: chữ ký, chữ viết trong Giấy chứng nhận công tác XYZ mang tên Vũ Đình V và chữ viết, chữ ký trong Giấy biên nhận mua bán giấy chứng nhận công tác XYZ do Phạm Văn H nộp cho Cơ quan điều tra so với chữ viết, chữ ký do ông Phạm Văn H cung cấp là do cùng một người viết ra.

Phòng KTHS Công an tỉnh Nam Định giám định kết luận: Chữ viết tại mục người khai ký tên trong bản khai của người bị nhiễm chất độc hoá học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam mang tên Vũ Đình V so với mẫu chữ viết, chữ ký của Vũ Đình V cung cấp: Không đủ căn cứ kết luận.

Ngày 27/12/2018 V nộp 02 tài liệu: Giấy ra viện của Bệnh viện tâm thần tỉnh Nam Định và Giấy chứng nhận Trung đoàn 2, Sư đoàn 341 ngày 26/5/1975 mang tên Vũ Đình V. V khai trong quá trình thu dọn nhà do vợ tìm thấy đưa cho V, bản thân V không ở đơn vị Trung đoàn 2, Sư đoàn 341 và không được cấp giấy chứng nhận này. Nguồn gốc do đâu, tại sao mà có tại gia đình V thì V và vợ đều không biết.

Tại Thông báo kết luận giám định số 43/GĐKTHS ngày 22/2/2019 Cục điều tra hình sự Bộ quốc phòng giám định và kết luận: Bản phôi giấy chứng nhận Trung đoàn 2, Sư đoàn 341 ngày 26/5/1975 mang tên Vũ Đình V được hình thành bằng phương pháp đánh máy chữ, hình dấu xác nhận được hình thành bằng đóng trực tiếp.

Bà Nguyễn Thị L1 (vợ V) khai: Tháng 12/2018 bà dọn dẹp nhà ở của ông Gi là bố đẻ thấy có tài liệu của quân đội liên quan đến ông V nên đã đưa để nộp cho cơ quan điều tra để chứng minh quá trình công tác của V và cũng không biết nguồn gốc do đâu, tại sao có trong tủ của ông Gi.

Trung cầu giám định pháp y tâm thần đối với Vũ Đình V. Ngày 03/5/2019 Viện giám định pháp y tâm thần Trung ương có kết luận giám định pháp y tâm thần số 136/KLGD: Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội vào năm 2005-2006 và tại thời điểm giám định Vũ Đình V không có bệnh tâm thần. Bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Đơn vị Xưởng 32 Bộ tư lệnh tăng thiết giáp và Ban chỉ huy quân sự huyện Nam Trực cung cấp: Quân nhân Vũ Đình V tham gia phục vụ tại đơn vị Xưởng 32 Bộ tư lệnh tăng thiết giáp từ tháng 5/1972 đến tháng 4/1977 được xuất ngũ.

Ban Lao động - TH binh và xã hội xã N: V là đối tượng thuộc diện đang được hưởng tiền trợ cấp của Nhà nước dành cho người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học.

Tại Cơ quan ANĐT Vũ Đình V khai nhận: Sau khi có quyết định được hưởng chế độ, ông Gi có đưa cho V 01 Giấy chứng nhận Huân chương CSGP nhưng nay đã thất lạc. Bản thân không đủ tiêu chuẩn và không được đơn vị quân đội cấp giấy chứng nhận Huân chương CSGP.

Những người liên quan đến vụ án:

- Phạm Văn H, sinh năm 1953, trú tại: xã H, huyện N, tỉnh Nam Định khai: Năm 2000 ông R đưa H đến gặp V nhờ xem các giấy tờ được quân đội cấp để kiểm tra làm giúp hồ sơ hưởng chế độ bị nhiễm chất độc da cam. V đưa giấy chứng nhận quyền lợi xuất ngũ của đơn vị Xưởng X32 cho H. H mang giấy tờ trên đến Phòng L hỏi và trao đổi lại với V cần có thêm giấy chứng nhận công tác XYZ. Vì không có nên V nhờ H mua giúp. H gặp ông Bùi Đức U trú tại: xã H, huyện H, tỉnh Nam Định để nhờ làm giúp giấy chứng nhận XYZ cho V. Ông U dẫn H đến nhà ông Trần Cao T1, trú tại: xã H, huyện H, tỉnh Nam Định hỏi mua 01 bản phôi Giấy chứng nhận công tác XYZ hết 500.000đồng và 01 bộ bàn ghế trị giá 700.000đồng. Nội dung ghi trong Giấy chứng nhận công tác XYZ của V do H tự viết nhưng khi thanh toán tiền ông R chỉ thanh toán cho H 500.000đồng (có giấy biên nhận giữa H và ông R). Quá trình điều tra, Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định xác định Phạm Văn H có hành vi mua, viết và bán Giấy chứng nhận công tác XYZ cho V, có dấu hiệu của tội làm giả tài liệu cơ quan, tổ chức nhưng do thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội này đã hết và chưa đủ căn cứ kết luận H đồng phạm với V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là phù hợp.

- Ông Đoàn Văn L là bố đẻ chị Đoàn Thị H1 không biết việc V mượn con đẻ của mình thay cho con gái là T để đối phó với đoàn kiểm tra thực chứng về tình trạng dị dạng, dị tật của T; không được V trao đổi, thông báo sau khi đã được hưởng chế độ ưu đãi của Nhà nước. Do vậy, xác định ông L không có liên quan trong vụ án này.

- Ông Vũ Đình R, Nguyễn Văn Gi, Bùi Đức U là những người giúp cho V trong việc làm hồ sơ xin xét duyệt để V được hưởng chế độ ưu đãi của Nhà nước. Nay các ông R, Gi, U đều đã chết nên Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định không làm rõ được.

Xác minh tại Công an xã Hải Quang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định thì không có công dân tên là Trần Cao T.

* Cáo trạng số: 47/CT-VKS-P1 ngày 04/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố: Vũ Đình V về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 BLHS 1999.

* Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định trình bày luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 BLHS 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS. Xử phạt Vũ Đình V từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Buộc bị cáo V trả cho Phòng L số tiền đã chiếm đoạt, được đổi trừ đi số tiền đã nộp khắc phục là 100 triệu đồng.

Về vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay; Lời khai của người làm chứng; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Bản kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ kết luận: Năm 2005 Vũ Đình V có hành vi mua và sử dụng Giấy chứng nhận XYZ; Giấy chứng nhận thương binh giả và mượn con đẻ của người khác bị dị dạng, dị tật để đối phó với đoàn kiểm tra thực chứng việc V kê khai trong hồ sơ là con đẻ của mình bị dị dạng, dị tật với mục đích lừa dối cơ quan Nhà nước để làm chế độ hưởng ưu đãi của Nhà nước đối với người tham gia cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học và đã được hưởng chế độ từ ngày 01/01/2006 đến tháng 2/2019 với tổng số tiền là 204.465.000đồng.

Như vậy, Vũ Đình V nhập ngũ năm 1972 là quân nhân công tác tại xưởng sửa xe tăng X32 – Bộ tư lệnh tăng thiết giáp. Từ tháng 3/1979 tái ngũ, thuộc Trung đoàn 749 tại Lai Châu và đến tháng 3/1981 xuất ngũ về địa phương. Bị cáo không trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu trước ngày 30/4/1975 tại các vùng, miền quân đội Mỹ rải chất độc hoá học. Không bị thương khi tham gia

chiến đấu hoặc phục vụ trong kháng chiến. Không đủ điều kiện và tiêu chuẩn hưởng chế độ trợ cấp bị nhiễm chất độc hoá học theo quy định của nhà nước. Bị cáo xác nhận bản thân không bị ảnh hưởng của chất độc hoá học trong chiến tranh chống Mỹ cứu nước. Nhưng bị cáo đã mua và sử dụng Giấy chứng nhận XYZ, Giấy chứng nhận thương binh giả và mượn con đẻ của người khác bị dị dạng, dị tật để đối phó với đoàn kiểm tra thực chứng; làm hồ sơ xét duyệt hưởng chế độ trợ cấp đối với người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học và đã chiếm hưởng số tiền là 204.465.000đồng của ngân sách Nhà nước.

Hành vi nêu trên của Vũ Đình V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành. Bị cáo đã chiếm hưởng số tiền là 204.465.000đồng nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 BLHS 1999.

Theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, hành vi phạm tội của Vũ Đình V có mức hình phạt tương ứng với mức hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy, hành vi của Vũ Đình V bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ pháp lý.

Hành vi phạm tội của bị cáo V thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của Nhà nước, gây thiệt hại đến ngân sách do Nhà nước quản lý. Hành vi phạm tội của bị cáo V còn gây ra dư luận không tốt, ảnh hưởng đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan có chức năng trong việc thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với những người có công trong kháng chiến nhất là đối tượng tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học. Đó là chế độ ưu đãi đặc biệt của Nhà nước đối với những người có công trong cuộc chiến đấu giải phóng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực, trách nhiệm, tự nhận thức và biết hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ tư lợi cá nhân mà bị cáo đã có hành vi vi phạm pháp luật. Do vậy, cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt nghiêm, đảm bảo đủ tác dụng trừng trị, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nhưng cũng đáp ứng được mục đích răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo V không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo có thái độ thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân. Bị cáo đã tác động gia đình nộp một

phần tiền khắc phục hậu quả (nộp lại 100 triệu đồng); bị cáo được tặng huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Xét thấy, có đủ điều kiện áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, quyết định cho bị cáo được hưởng một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, tạo cơ hội cho bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về đoàn tụ với gia đình và xã hội. Tuy nhiên, cũng cần xem xét nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo có phần do quản lý lỏng lẻo của Nhà nước trong việc xét duyệt các đối tượng là người có công được hưởng chế độ đãi ngộ. Nếu từ cấp địa phương có sự kiểm tra, rà soát đúng theo qui định từ khi các đối tượng làm hồ sơ, khi chuyển hồ sơ lên cấp có thẩm quyền có sự quản lý, thẩm định chặt chẽ, kiểm tra thực chứng đúng quy định thì hậu quả đã không xảy ra. Đây cũng là một căn cứ để xem xét, đánh giá giảm hình phạt cho bị cáo. Như vậy cũng thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật Việt Nam đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của bản thân.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Theo quy định của pháp luật, toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm hưởng từ việc gian dối làm hồ sơ để lĩnh tiền trợ cấp cần phải được thu hồi trả lại cho ngân sách Nhà nước. Số tiền này thuộc quyền quản lý của Sở L. Sở L đã có công văn ủy quyền cho Phòng L thu hồi trợ cấp đã hưởng sai nộp ngân sách Nhà nước. Vì vậy, cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền đã chiếm hưởng cho Phòng L.

Quá trình điều tra, xác định bị cáo V đã chiếm hưởng số tiền là 204.465.000 đồng. Bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện nộp khắc phục số tiền là 100 triệu đồng. Cần buộc bị cáo phải bồi hoàn tiếp số tiền là 104.465.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

Số tiền 100 triệu đồng do gia đình bị cáo V tự nguyện nộp khắc phục hậu quả được nộp vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: Vũ Đình V phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” .
2. Căn cứ: điểm a khoản 3 Điều 139 BLHS 1999; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Vũ Đình V 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23-01-2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999.

Buộc bị cáo Vũ Đình V phải hoàn trả ngân sách Nhà nước (do Phòng L, tỉnh Nam Định đại diện) số tiền 204.465.000đồng. Đối trừ số tiền đã nộp khắc phục 100 triệu đồng, bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền là 104.465.000đồng (một trăm linh bốn triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999.

Nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 100 triệu đồng (Đã được xử lý ở phần “**3. Về trách nhiệm dân sự**” trên).

(Theo Ủy nhiệm chi số 02 ngày 12/6/2019 giữa Phòng PC10 – Công an tỉnh Nam Định và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định).

5. Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải nộp 200.000đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo phải nộp 5.223.000đồng.

Báo bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- CA; VKSND tỉnh Nam Định.
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Trại giam Đại An;
- Bị cáo.
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Mai Thị Minh Hồng.